TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1129/2023/DS-PT
Ngày: 05/12/2023
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đức
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu
Bà Lê Thị Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 528/2023/DSPT ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2023/DS-ST ngày 23/8/2023 của Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5240/2023/QĐ-PT ngày 09/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
1.1 Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1977.
1.2 Bà Nguyễn Thị Như T1.
Đại diện theo ủy quyền của bà T1: Bà Nguyễn Thị Như T. (có mặt)
Cùng địa chỉ: A L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Nguyễn An B – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. Bị đơn:
2.1 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956. (có mặt)
2.2 Bà Nguyễn Thị Dung H1, sinh năm 1959. (có mặt)
Cùng địa chỉ: D L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1 Bà Nguyễn Thị Như T2, sinh năm 1972.
3.2 Bà Nguyễn Thị Như D, sinh năm 1985.
3.3 Ông Nguyễn Trường T3, sinh năm 1988.

3.4 Ông Nguyễn Trường H2, sinh năm 1990.

Đại diện theo ủy quyền của các ông (bà) T2, D, T3, H2: Bà Nguyễn Thị Như T. (có mặt)

Cùng địa chỉ: A L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: ông (bà) Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Dung H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị C là chị gái bà Nguyễn Thị Dung H1, chị vợ ông Nguyễn Văn H nên có quan hệ làm ăn chung. Sau đó, ông H, bà H1 xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị C 35 lượng vàng SJC. Trước khi bà C mất có gọi ông H, bà H1 đến và yêu cầu khoản nợ nói trên ông H, bà H1 tiếp tục trả lại cho các con của bà C là Nguyễn Thị Như T và Nguyễn Thị Như T1. Ngày 06/9/2013, 01/10/2015, 01/10/2017, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1 có ký các Tờ cam kết xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Như T1, Nguyễn Thị Như T 35 lượng vàng. Sau khi bà C mất, bà T, bà T1 đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà H1 trả lại số vàng này nhưng ông H, bà H1 khất lần nên các bà đã yêu cầu ông H, bà H1 ký vào "Giấy cam kết và xác nhận nợ" ngày 24/11/2021, trong đó thỏa thuận ông H, bà H1 sẽ thanh toán số nợ trên thành 02 lần: lần 1 ngày 31/12/2021 thanh toán 02 lượng vàng SJC; lần 2 ngày 01/10/2022 thanh toán hết số nợ còn lại là 33 lượng vàng SJC.

Nhưng hết thời hạn thỏa thuận, ông H, bà H1 vẫn không thanh toán số nợ nói trên cho bà T1, bà T, nay phía nguyên đơn yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1 trả cho bà Nguyễn Thị Như T1, Nguyễn Thị Như T số vàng 35 lượng vàng SJC; không yêu cầu ông H, bà H1 phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn H trình bày:

Bà Nguyễn Thị C (mẹ của bà T và bà T1) là chị vợ của ông H. Từ năm 1998, bà C có nhờ ông H mua đất, lời ăn, lỗ chịu. Sau đó, ông H, bà C có mua miếng đất là 1000m^2, giá lúc mua là 03 lượng vàng là tiền của bà C. Từ năm 2000, giá đất chững lại, không bán được đất. Sau đó ông H làm thủ tục tách thửa mảnh đất trên, ông H thống nhất lấy 500m^2 tương đương 100 lượng vàng, phần tiền này trả dần. Ông H đã hoàn trả cho bà C được 65 lượng vàng, hiện còn nợ lại 35 lượng vàng. Bà C có nói là số vàng này trả dần, khi nào có khả năng thì trả. Sau khi bà C mất, bà T và bà T1 có sang nhà ông H, bà H1 nói chuyện, yêu cầu ký Giấy cam kết trả nợ ngày 24/11/2021, ông H không coi kỹ nội dung giấy cam kết trả nợ, nghe bà T, bà T1 nói là xác nhận nợ 35 lượng vàng nên đã cùng vợ là bà Nguyễn Thị Dung H1 ký tên vào Giấy cam kết nói trên. Do dịch bệnh, ông H, bà H1 có khó khăn về tài chính, sức khỏe giảm sút nên chưa kịp thanh toán số vàng còn lại này cho bà T, bà T1. Ông H rất có thiện chí trả nợ, nhưng hiện tại với số vàng lớn như vậy thì không thể thanh toán trong một lần được mà thanh toán làm nhiều lần như cam kết với bà C là khi nào có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu đến khi hết nợ, đề nghị Tòa án xem xét.

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn – bà Nguyễn Thị Dung H1 vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – các ông (bà) Nguyễn Thị Như T2, Nguyễn Thị Như D, Nguyễn Trường T3, Nguyễn Trường H2 có bà Nguyễn Thị Như T là người đại diện ủy quyền thống nhất với nội dung với trình bày của nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 148/2023/DS-ST ngày 23/8/2023 của Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Như T1, bà Nguyễn Thị Như T.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Như T1, bà Nguyễn Thị Như T 35 lượng vàng SJC tương đương 2.369.500.00 đồng (Hai tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Như T1, Nguyễn Thị Như T không yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1 phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sau khi xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 11/9/2023, bị đơn - ông (bà) Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Dung H1 có Đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng thay đổi yêu cầu phía bị đơn phải trả số nợ là 35 lượng vàng SJC cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị C là các ông (bà) Nguyễn Thị Như T2, Nguyễn Thị Như D, Nguyễn Trường T3, Nguyễn Trường H2, Nguyễn Thị Như T và Nguyễn Thị Như T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T đề nghị chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số nợ là 35 lượng vàng SJC cho những người thừa kế của bà C.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị sửa án sơ thẩm do có sự thay đổi yêu cầu của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho các đồng thừa kế của bà C 35 lượng vàng SJC tương đương 2.369.500.00 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn – các ông (bà) Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Dung H1 nộp đơn kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của ông bà được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ "Giấy cam kết và xác nhận nợ" ngày 24/11/2021 giữa ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1 với bà Nguyễn Thị Như T1, bà Nguyễn Thị Như T, có chữ ký của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1, ngoài ra ông H, bà H1 còn ký các Tờ cam kết ngày 06/9/2013, 01/10/2015, 01/10/2017 với bà Nguyễn Thị Như T1, Nguyễn Thị Như T; Đồng thời căn cứ vào lời thừa nhận của ông Nguyễn Văn H tại Tòa, có cơ sở xác định: ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị Dung H1 có nợ bà Nguyễn Thị C (là mẹ của bà T1, bà T) 35 lượng vàng SJC, ông H và bà H1 cam kết sẽ trả 35 lượng vàng SJC cho bà T1, bà T với thời hạn 02 năm.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1 kháng cáo cho rằng do ông H bị tai biến nên không coi kỹ nội dung và đã ký vào Giấy xác nhận nợ mà bà T đưa, nếu là xác nhận nợ số vàng của bà C thì ông bà mới ký, nội dung của Giấy xác nhận nợ ghi còn nợ bà T 35 lượng vàng SJC là không đúng.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định bà Nguyễn Thị C là chị gái của ông Nguyễn Văn H. Bà Nguyễn Thị C chết năm 2018, không để lại Di chúc, theo xác minh của Công an P, Quận A, bà Nguyễn Thị C có các đồng thừa kế là các ông (bà) Nguyễn Thị Như T2, Nguyễn Thị Như D, Nguyễn Trường T3, Nguyễn Trường H2, Nguyễn Thị Như T1, Nguyễn Thị Như T. Do đó đối với 35 lượng vàng SJC mà bị đơn – ông H bà H1 cũng như các đồng thừa kế của bà C xác nhận là ông H bà H1 đã nợ của bà Nguyễn Thị C, nên 35 lượng vàng SJC được coi là di sản thừa kế của bà C để lại. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Dung H1 phải có trách nhiệm hoàn trả số vàng trên cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị C, không phải là trách nhiệm trả nợ cho bà T, bà T1.

Án sơ thẩm chỉ căn cứ vào các giấy nợ ghi sau này, mà không xem xét đến nguồn gốc của số nợ qua sự xác nhận của tất cả các đương sự, trong đó có xác nhận của bà T, bà T1 (là con của bà C) rằng đây là số vàng của bà C trước kia cho ông H1 bà D1 mượn, nên cấp sơ thẩm chỉ buộc ông H1 bà D1 trả 35 lượng vàng SJC cho bà T và bà T1 là chưa đúng đối tượng. Đồng thời về tố tụng, khi xác định tư cách của các đương sự trong vụ án, bà Nguyễn Thị C chết

năm 2018 (trước thời điểm Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý) nhưng cấp sơ thẩm vẫn xác định bà Nguyễn Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, tại phiên tòa, phía nguyên đơn xác định lại yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho các đồng thừa kế của bà C, không chỉ là bà T và bà T1, yêu cầu này được chấp nhận, vấn đề tố tụng này không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án nên không cần thiết phải hủy án, mà chỉ cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn – ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1 phải trả lại 35 lượng vàng SJC cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị C là các ông (bà) Nguyễn Thị Như T2, Nguyễn Thị Như D, Nguyễn Trường T3, Nguyễn Trường H2, Nguyễn Thị Như T1, Nguyễn Thị Như T.

Căn cứ giá mua bán vàng SJC do Công ty V niêm yết ngày 23/8/2023, giá trị 01 lượng vàng SJC bán ra là 67.700.000 đồng, do đó 35 lượng vàng SJC tương đương số tiền 2.369.500.000 đồng.

Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà T về việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc phía bị đơn trả nợ cho tất cả các đồng thừa kế của bà C là có cơ sở, được chấp nhận.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm, nên án phí dân sự phúc thẩm bị đơn – ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Dung H1 không phải chịu. Ông H bà H1 được miễn tạm ứng án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên không phải hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2023/DS-ST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T1, bà Nguyễn Thị Như T.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1 có nghĩa vụ trả nợ cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị C (chết năm 2018) là các ông (bà) Nguyễn Thị Như T2, Nguyễn Thị Như D, Nguyễn Trường T3, Nguyễn Trường H2, Nguyễn Thị Như T1, Nguyễn Thị Như T số tiền 2.369.500.000 đồng (Hai tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Như T1, Nguyễn Thị Như T không yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1 phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sau khi xét xử sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Dung H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 79.390.000 đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) nhưng được miễn do là người cao tuổi và có đơn xin miễn.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Như T1, bà Nguyễn Thị Như T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.350.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019825 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn – ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Dung H1 không phải chịu. Ông H bà H1 được miễn tạm ứng án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên không phải hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu/22.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đình Đức